

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG TÍN CHỈ

ThS. VŨ THỊ HÒA
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Đặt vấn đề

Bản chất của đào tạo theo hệ thống tín chỉ là quá trình cá nhân hóa việc học tập trong điều kiện giáo dục đại học cho số đông người. Do đó, hệ thống tín chỉ có nhiều đặc điểm khác biệt so với niên chế. Các cán bộ quản lý trong các trường đại học nói riêng và các cán bộ quản lý đào tạo nói chung cần nhận thức sâu sắc các đặc điểm của học chế này. Chính vì vậy, trong bài viết này, tác giả sẽ đi vào phân tích những đặc điểm cơ bản của hệ thống tín chỉ.

1. Sinh viên phải tích lũy kiến thức theo từng học phần (đơn vị tín chỉ)

Đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi sinh viên phải tích lũy kiến thức theo từng phần học, vừa phù hợp với trình độ năng lực của bản thân, vừa phù hợp với kế hoạch chung của nhà trường.

Trong đào tạo theo niên chế, quá trình học là sự tích lũy kiến thức theo năm học. Kết thúc mỗi năm học, sinh viên sẽ được xét lên lớp hay lưu ban tùy thuộc vào kết quả học tập và rèn luyện trong suốt năm học đó. Kết thúc khóa học bằng việc thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận trước Hội đồng chấm khóa luận. Kết quả cao hay thấp còn phụ thuộc vào tâm lý người bảo vệ có bình tĩnh hay không. Trường hợp thi tốt nghiệp, nếu không qua thì việc xét tốt nghiệp sẽ bị chậm lại ít nhất một học kì thậm chí hàng năm, đã gây phiền hà đến mệt mỏi cho người học. Hiện tượng này sẽ ít thấy hơn nhiều ở đào tạo theo hệ thống tín chỉ bởi trong chương trình học của mỗi ngành được chia thành nhiều học phần và quá trình học là sự tích lũy kiến thức theo học phần. Sinh viên tích lũy đủ các học phần theo yêu cầu của ngành học đó, chương trình đã được cấu trúc theo các học phần nên khi sinh viên trượt học phần nào chỉ việc đăng kí và thi trả nợ học phần đó mà không phải học lại cả học kì.

2. Kiến thức cấu trúc thành các môđun (học phần)

Học phần là một phần của môn học, có cấu trúc chặt chẽ, được giảng dạy trọn vẹn trong một học kì và được đánh giá độc lập với các học phần khác.

Đơn vị đo khối lượng học tập của sinh viên là tín chỉ, một tín chỉ tương đương với 15 tiết lí thuyết + 30 giờ chuẩn bị bài ở nhà, trong đó, thời gian một tiết học là 50 phút. Một học phần bao gồm một số tín chỉ (thường từ 2 đến 4 tín chỉ).

Quy đổi từ đơn vị học trình trước đây sang đơn vị tính tín chỉ là:

- 1. Đơn vị học trình = 15 tiết lên lớp
15 giờ chuẩn bị cá nhân
30 tiết/giờ
- 2. Tín chỉ = 15 tiết lên lớp
30 giờ chuẩn bị cá nhân
45 tiết/giờ

→ 1 tín chỉ = 1.5 đơn vị học trình

Trường hợp những môn học có số đơn vị học trình không là nguyên lần số tín chỉ khi quy đổi thì người đứng đầu cơ sở đào tạo tùy thuộc vào tầm quan trọng của môn học mà nâng lên hay hạ xuống khối lượng kiến thức của môn học đó để đạt được số tín chỉ là một số nguyên.

3. Quy định khối lượng kiến thức phải tích lũy cho từng văn bằng

3.1. Sắp xếp năm học của người học theo khối lượng tín chỉ tích lũy: Chương trình học của mỗi ngành được cấu trúc thành các học phần, bao gồm những học phần bắt buộc và những học phần lựa chọn. Chương trình này được công bố cho sinh viên từ đầu khóa học (theo Quy chế 43, chương trình của một ngành học hệ đại học 4 năm khoảng từ 120 đến 140 tín chỉ). Mỗi sinh viên với sự tư vấn tích cực của cố vấn học tập sẽ chọn cho mình một con đường hoàn thành chương trình học để được nhận bằng tốt nghiệp phù hợp với điều kiện của bản thân.

3.2. Xác định năm đào tạo của sinh viên: Sau mỗi học kì, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp vào năm học nào là phụ thuộc vào số tín chỉ mà sinh viên đã tích lũy được. Theo Điều 14, Quy chế 43/2007 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, năm học của sinh viên được xếp như sau: Trong mỗi học kì, số tín chỉ đăng kí tối thiểu của sinh viên là 6 tín chỉ, tối đa là 18 tín chỉ.

Năm đào tạo của sinh viên	Số tín chỉ tích lũy
Sinh viên năm thứ nhất	Dưới 30 tín chỉ
Sinh viên năm thứ hai	30 – dưới 60 tín chỉ
Sinh viên năm thứ ba	60 – dưới 90 tín chỉ
Sinh viên năm thứ tư	90 – dưới 120 tín chỉ
Sinh viên năm thứ năm	120 – đến 150 tín chỉ
Sinh viên năm thứ sáu	Từ 150 tín chỉ trở lên

4. Chương trình đào tạo mềm dẻo

Cùng với các học phần bắt buộc còn có các học phần tự chọn cho phép sinh viên dễ dàng điều chỉnh ngành nghề đào tạo.

Trong chương trình của một ngành học, có những học phần bắt buộc và những học phần tự chọn. Đặc trưng của đào tạo theo hệ thống tín chỉ là lớp học được tổ chức theo học phần nên có thể đưa nhiều học phần tự chọn vào trong chương trình đào tạo. Sinh viên có nhiều phương án lựa chọn cho mình một chương trình học thích hợp. Nó tạo ra sự đa dạng, phát huy được tiềm năng của đội ngũ giảng viên và tạo điều kiện cho sinh viên chọn được các môn học phù hợp với năng lực, sở trường. Việc chuyển ngành, chuyển trường, liên thông bậc học, học thêm ngành mới, không còn là vấn đề nan giải như hình thức đào tạo theo niên chế trước đây. Theo tín chỉ, sinh viên được quyền công nhận các học phần phù hợp đã được tích lũy và chỉ học thêm các học phần còn thiếu.

5. Việc đánh giá trong suốt quá trình học tập của sinh viên

Kết quả học tập của sinh viên được các giảng viên đánh giá theo thang điểm số và chữ của các điểm thành phần với những trọng số khác nhau được quy đổi theo quy định tạo thuận lợi đối với người học khi thay đổi ngành học, trường học hoặc sang học ở một quốc gia khác.

Đánh giá là hoạt động của giảng viên sử dụng các kỹ thuật đánh giá khác nhau trong các hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ. Mục đích của đánh giá thường xuyên giúp thúc đẩy việc học của sinh viên thường xuyên hơn khi muốn có kết quả học tập cao và hiểu biết sâu về môn học. Đồng thời, việc kiểm tra đánh giá thường xuyên buộc sinh viên phải học theo lối tích cực, cố gắng trong cả quá trình.

Thang điểm chữ có nhiều ưu điểm, có thể áp dụng cho cả học chế tín chỉ cũng như niên chế. Điểm học phần được quy ra chữ (A, B, C, D, F) giúp phân loại ngay được trình độ sinh viên, và cho phép chấp nhận điểm trung bình yếu (điểm D). Sinh viên có một số học phần đạt điểm D vẫn có thể tốt nghiệp nếu có số học phần khác có điểm cao bù lại (trung bình từ 2 trở lên). Ưu điểm nữa là áp dụng thang điểm chữ tạo thuận lợi cho sinh viên ra nước ngoài học tiếp.

6. Dạy học lấy hoạt động học của sinh viên làm trung tâm

Đây chính là phương pháp sư phạm tích cực, nó không chỉ yêu cầu riêng cho học chế tín chỉ mà đào tạo theo phương thức nào, theo Quy chế 25 hay 43, các trường cũng đều phải nhanh chóng xóa bỏ kiểu phương pháp dạy học theo kiểu: Thầy đọc - trò chép và để nâng cao chất lượng giờ giảng bắt buộc người thầy phải sử dụng phương pháp sư phạm tích cực - dạy học lấy hoạt động học của trò làm trung tâm.

Khi sử dụng phương thức này, chúng ta đã biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Giảng viên không còn là người truyền thụ kiến thức cho

người học nữa mà phải là người tổ chức, hướng dẫn, điều khiển giúp người học chủ động trong việc chiếm lĩnh tri thức, biết cách tìm đọc tài liệu, phát hiện và giải quyết các vấn đề, biết cách khai thác, chọn nhập và xử lý thông tin trong thời đại nguồn thông tin phong phú đến vô tận. Người học không thể chỉ trông chờ vào những kiến thức nơi người thầy cung cấp đôi khi còn những thông tin đã lạc hậu.

Ở đây, chúng ta cũng nên tránh sự nhầm lẫn giữa phương pháp sư phạm tích cực với việc sử dụng các phương tiện trợ giúp giảng dạy hiện đại như máy tính, máy trình chiếu...

7. Đơn vị học vụ là học kì

Mỗi năm có thể chia thành 02 học kì (mỗi học kì khoảng 15 tuần thực học), 03 học kì (15 tuần/1kì) hoặc 04 học kì (10 tuần/1kì).

Đào tạo theo niên chế thì việc tuyển sinh chỉ có ở đầu năm học, việc xét tốt nghiệp chỉ có ở cuối năm học. Đào tạo theo tín chỉ thì việc tuyển sinh và xét tốt nghiệp có thể theo học kì. Đây là điểm mang lại nhiều cơ hội cho người học, đồng thời cũng tránh được sức ép thời gian cũng như sự quá tải cho các cơ sở đào tạo mỗi lần tuyển sinh.

8. Ghi danh đầu mỗi học kì, lớp học tổ chức theo mỗi học phần

Theo Quy chế 25 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, đào tạo theo niên chế thì chương trình đào tạo của mỗi ngành đã được cấu trúc theo học phần nhưng lớp học vẫn tổ chức theo kiểu truyền thống, nghĩa là lớp học được tổ chức theo khóa nhập học từ đầu vào.

Theo Quy chế 43/2007 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, đào tạo theo tín chỉ, lớp học được tổ chức theo học phần gọi là lớp học phần hay lớp môn học. Mỗi học kì, trường tổ chức những lớp học phần và sinh viên chọn đăng kí vào học ở một số lớp sao cho phù hợp với bản thân và lịch chung cũng như những quy định của nhà trường như: lịch học, lịch thi, môn học tiên quyết... Mỗi lớp học phần chỉ kéo dài trong một học kì. Từng sinh viên với sự tư vấn tích cực của cố vấn học tập đã tự chọn cho mình một thời khóa biểu. Sinh viên của một ngành trong cùng một khóa có nhiều con đường khác nhau để hoàn thành chương trình học: khác nhau về môn học và tiến trình học.

Việc ghi danh có thể đến ghi trực tiếp tại trường, cũng có thể đăng kí qua mạng theo lịch đã được thông báo. Hiện nay, nhiều trường đã sử dụng phần mềm đăng kí học phần theo học qua mạng tạo nhiều thuận lợi cho người học cũng như tính chất chuyên nghiệp trong hoạt động quản lí đào tạo của nhà trường.

9. Có hệ thống cố vấn học tập

Cố vấn học tập là người tư vấn, trợ giúp, định hướng tích cực cho sinh viên ngay từ những ngày

đầu học tập tại trường, để sinh viên hướng tới linh hoạt tri thức chuyên môn qua các môn học được tổ chức giảng dạy trong chương trình đào tạo và các hoạt động chuyên môn của nhà trường.

Với sự tư vấn và trợ giúp tích cực của đội ngũ cố vấn học tập, mỗi sinh viên có thể lựa chọn cho mình một chương trình và một tiến trình học phù hợp với cá nhân. Mỗi cố vấn học tập phụ trách một số sinh viên kể từ lúc vào trường cho đến khi ra trường.

Cố vấn học tập phải nắm vững tình hình sinh viên mình phụ trách, tư vấn cho sinh viên chọn chương trình và tiến trình học phù hợp, sau đó tư vấn cho sinh viên đăng kí học từng kì học. Cố vấn học tập phụ trách bao nhiêu sinh viên là do hiệu trưởng quyết định tùy theo điều kiện cụ thể của nhà trường và được thể hiện trong quy chế hoạt động của nhà trường.

10. Có thể tuyển sinh theo học kì

Ở Hoa Kỳ, người ta tổ chức thi đại học nhiều lần trong năm. Các trường đại học dựa vào kết quả thi đó và thành tích ở bậc trung học của thí sinh để tuyển sinh theo từng học kì. Ở Việt Nam thì khó khăn hơn nhiều trong việc tổ chức thi đại học, hiện nay vẫn áp dụng theo hình thức 3 chung: chung để thi, chấm chung và chung kết quả. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song đến nay đặc điểm này vẫn rất ít trường có thể đã thực hiện được.

11. Không thi tốt nghiệp, không tổ chức bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đối với các chương trình đại học và cao đẳng

Đối với học chế niên chế, sau khi kết thúc khóa học sẽ có 2 trường hợp: Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ không phải tự thi tốt nghiệp. Sau thời gian khoảng 3 tháng, sinh viên hoàn thành khóa luận của mình khoảng 60 trang đánh máy khổ giấy A4 và bảo vệ trước Hội đồng chấm khóa luận. Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận thì dự thi tốt nghiệp (thường là 2 môn). Sau khi thi các môn tốt nghiệp qua điểm 5 coi như sinh viên đã hoàn thành khóa học, chờ xét tốt nghiệp.

Đối với học chế tín chỉ, do quá trình học là sự tích lũy thì không phải thi nữa. Sinh viên cuối khóa thì phải làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp (xem như môn học phần không quá 14 tín chỉ đối với đại học) hoặc học và thi một số học phần chuyên môn. Các học phần này có nội dung nâng cao và cập nhật. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo hệ số của các học phần đã tích lũy (đạt điểm quy đổi từ 1 đến 4), kể cả học phần khóa luận hay đồ án tốt nghiệp. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp khi đã tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo với trung bình tích lũy đạt từ 2.00 trở lên.

12. Chỉ có một văn bằng chính quy đối với hai loại hình thức tập trung và không tập trung

Kết quả của người học được đánh giá qua từng học phần, khi đã tích lũy đủ các học phần theo quy định của chương trình đào tạo, không phân biệt hình thức học tập trung hay không tập trung, ưu tiên đào tạo hệ chính quy, hạn chế đào tạo các loại hình tại chức hay từ xa. Điều cốt yếu là có phương pháp kiểm tra đánh giá chính xác và được tiến hành nghiêm túc.

Kết luận

Qua nghiên cứu về các đặc điểm của học chế tín chỉ, bên cạnh rất nhiều ưu điểm, như một quy luật tất yếu, học chế này không tránh khỏi một số nhược điểm. Nhìn từ góc độ sinh viên, những lợi ích mà người học thu được chắc chắn nhiều hơn so với đào tạo theo niên chế. Sinh viên thực sự được tôn trọng và chủ động trong quá trình học tập của mình. Có thể nói, học chế tín chỉ là một phương thức đào tạo tiến bộ với những định hướng phù hợp với yêu cầu học tập của sinh viên, cần được áp dụng. Điều này đòi hỏi các nhà quản lí giáo dục phải nghiên cứu nghiêm túc để phát huy hết các ưu điểm đã nêu của học chế này đồng thời khắc phục tối đa các nhược điểm trong khi triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
2. Đặng Xuân Hải, Vận dụng lí thuyết quản lí sự thay đổi để chỉ đạo chuyển đổi quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 13 tháng 10 năm 2006.
3. Lê Viết Khuyến, Tập bài giảng Tổ chức quá trình đào tạo trong các trường đại học và cao đẳng, 2009.
4. Lâm Quang Thiệp và các tác giả khác, Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ các học viện, trường đại học, cao đẳng, Học viện Quản lí giáo dục, 2008.
5. Trần Khánh Đức, Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

SUMMARY

The author has analyzed basic characteristics of the credit system, i.e. course-based accumulation of credits among students; knowledge structured by course; regulations on the amount of knowledge to be accumulated for each diploma; flexible training programmes; ongoing assessments throughout the learning process of students; placing students' activities the core of teaching; course-based classroom organization, with a study counseling and admission systems by semester, etc.